

Số: 90/NQ-HĐND

Vĩnh Cửu, ngày 19 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện
và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2022 (lần 4)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
KHÓA XII – KỲ HỌP THỨ 9**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý;
Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2022;
Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về phân bổ, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công từ nguồn ngân sách huyện và nguồn khác do huyện quản lý năm 2022 (Lần 3);
Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022, kế hoạch đầu tư công năm 2023;
Xét Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc bổ sung nguồn vốn kế hoạch đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn khác do huyện quản lý năm 2022 (lần 4); báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Địa chỉ: Số 224, đường Nguyễn Tất Thành, Khu phố 2, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.
Website: <http://vinhcuu.dongnai.gov.vn>. ĐT: 0251.3861114 – Fax: 0251.38611212

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2022 (lần 4) đối với các dự án đã hoàn thành hồ sơ, đủ điều kiện theo quy định với tổng số tiền **71.000 triệu đồng** (*Bảy mươi một tỷ đồng*). Cụ thể như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 (Sau khi phân bổ, điều chỉnh, bổ sung lần 3): **370.686 triệu đồng.**

- a. Nguồn vốn ngân sách tập trung: 92.169 triệu đồng.
- b. Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 167.467 triệu đồng.
 - + *Nguồn vốn xổ số kiến thiết:* 78.467 triệu đồng.
 - + *Hỗ trợ có mục tiêu nguồn XSKT:* 89.000 triệu đồng.
- c. Nguồn thu tiền sử dụng đất (Nguồn kết dư): 81.000 triệu đồng.
- d. Hỗ trợ nông thôn mới (nguồn Kết dư thuế TNN): 30.050 triệu đồng.

2. Bổ sung nguồn vốn kế hoạch đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2022 (lần 4):

71.000 triệu đồng.

- a. Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 1.000 triệu đồng.
 - Khen thưởng nông thôn mới nâng cao cho xã Tân An: 1.000 triệu đồng.
- b. Nguồn thưởng vượt thu: 70.000 triệu đồng.
 - Lĩnh vực giao thông: 32.000 triệu đồng.
 - Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 38.000 triệu đồng.

3. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 (sau khi bổ sung lần 4): **441.686 triệu đồng.**

- a. Nguồn vốn ngân sách tập trung: 92.169 triệu đồng.
- b. Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 168.467 triệu đồng.
 - *Nguồn vốn xổ số kiến thiết:* 79.467 triệu đồng.
 - *Hỗ trợ có mục tiêu nguồn XSKT:* 89.000 triệu đồng.
- c. Nguồn thu tiền sử dụng đất (Nguồn kết dư): 81.000 triệu đồng.
- d. Hỗ trợ nông thôn mới (nguồn Kết dư thuế TNN): 30.050 triệu đồng.
- đ. Nguồn thưởng vượt thu: 70.000 triệu đồng.

(*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai các giải pháp để thực hiện Nghị quyết này đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2022.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, kiến nghị và nguyện vọng của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu khóa XII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./. Um

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban XD Đảng, Văn phòng Huyện ủy;
- UBMTTQVN và các đoàn thể huyện;
- Viện KSND, TAND huyện;
- Các phòng ban, cơ quan thuộc huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TH HĐND.

D/HĐND/ha.tuan/2022/NQ



CHỦ TỊCH

Lê Đỗ Kim Chi

Phụ lục

tổng hợp sau khi phân bổ, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công từ nguồn ngân sách cấp huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2022 (lần 4)

(Kèm theo Nghị quyết số: 90/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	l	2	3			
	PHẦN 1: VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022							441.686	370.686	1.000		
A	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG							92.169	92.169			
B	NGUỒN VỐN XÓ SỐ KIẾN THIẾT							168.467	167.467	1.000		
C	NGUỒN VỐN TÀI NGUYÊN NƯỚC							30.050	30.050			
D	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							81.000	81.000			-
E	NGUỒN THUỖNG VƯỢT THU							70.000		70.000		
	PHẦN 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022											
A	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG (I+II+III + IV)						183.945	92.169	370.686	71.000	-	
I	Vốn cấp phát sau quyết toán (chỉ các dự án hoàn thành)							3.645	92.169			
II	Dự án chuyển tiếp				209.165	34.189	40.292	33.076	33.076			
II.1	Chi lĩnh vực kinh tế					24.566	19.039	12.666	12.666			
a	Chi lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch			-	14.979	6.516	8.353	7.000	7.000			

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án			Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch					Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a		b	d	c	f	g		1	2	3			
	Trạm bơm và đường ống cấp nước thô đến nhà máy nước sạch xã Phú Lý	xã Phú Lý	2021-2022	10166 ngày 08/10/2021	14.979	6.516		8.353	7.000	7.000		Ban QLDA	
b	Chi lĩnh vực giao thông				27.931	17.200		10.276	5.231	5.231			
	Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 1 (đoạn từ TTGDNN-GDTX đến giáp đường ĐT 762)	TT Vĩnh An	2021-2022	10174 ngày 08/10/2021	14.000	4.500		9.045	4.000	4.000		Ban QLDA	
	Đường Vĩnh Tân - Tân An (giai đoạn 1)	Xã Vĩnh Tân - Tân An	2020-2022	4631, ngày 30/10/2019	13.931	12.700		1.231	1.231	1.231		Ban QLDA	
c	Chi lĩnh vực Nông nghiệp, thủy lợi			-	850	400		410	408	408			
	Xây mới kênh chống sạt lở trạm bơm Thiện Tân 3	xã Thiện Tân	2021-2022	10170 ngày 08/10/2021	850	400		410	408	408		Ban QLDA	
d	Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch (Cấm mốc giới theo quy hoạch)				528	450		0	27	27			
	Cấm mốc hành lang bảo vệ Suối Sầu	Xã Tân An	2021-2022	83, ngày 08/01/2021	528	450			27	27		Phòng KTHH	
II.2	Chi lĩnh vực Quốc phòng - An ninh			-	14.927	6.423		7.769	7.081	7.081			
	Xây dựng nhà ở tập thể công an huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2021-2022	10171 ngày 08/10/2021	11.067	4.673		5.698	5.010	5.010		Ban QLDA	
	Xây dựng nhà để xe, nhà kho lưu trữ tài liệu Ban chỉ huy quân sự huyện	TT Vĩnh An	2021-2022	10167 ngày 08/10/2021	3.860	1.750		2.071	2.071	2.071		Ban QLDA	
II.3	Chi lĩnh vực quản lý nhà nước			-	6.443	2.500		3.771	3.758	3.758			
1	Xây dựng hội trường UBND xã Vĩnh Tân	xã Vĩnh Tân	2021-2022	10168 ngày 08/10/2021	2.079	800		1.205	1.205	1.205		Ban QLDA	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án			Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh Lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	n
2	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà quán sự UBND TT VA	TT Vĩnh An	2021-2022	10169 ngày 08/10/2021	3.048	1.200	1.767	1.767	1.767	1.767		Ban QLDA	
3	Sửa chữa một số hạng mục trụ sở phòng Tư pháp	TT Vĩnh An	2021-2022	1842 ngày 22/04/2022	1.316	500	799	786	786	786		Ban QLDA	
II.4	Chi lĩnh vực khoa học công nghệ			-	3.436	700	2.713	2.571	2.571	2.571			
1	Đầu tư nâng cấp thiết bị bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện	TT Vĩnh An	2021-2022	10351 ngày 15/10/2021	1.485	300	1.169	1.027	1.027	1.027		VP. HDND-UBND huyện	
2	Đầu tư hệ thống an ninh, an toàn thông tin trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2021-2022	10353 ngày 15/10/2021	1.951	400	1.544	1.544	1.544	1.544		VP. HDND UBND huyện	
II.5	Chi lĩnh vực tài chính và khác				0	0	7.000	7.000	7.000	7.000			
1	NSH ủy thác sang NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2022	6700/UBND-VX ngày 03/11/2020			6.000	6.000	6.000	6.000		NHCSXH	
2	Quỹ hỗ trợ nông dân	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2022	1487-CV/TU ngày 03/06/2016			1.000	1.000	1.000	1.000		Hội Nông dân	
III	Dự án khởi công mới				6.023	0	5.814	5.814	5.814	5.814			
III. a	Chi lĩnh vực kinh tế				4.067	-	4.003	4.003	4.003	4.003			
	Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch				2.730	-	2.730	2.730	2.730	2.730			
1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Hòa	Xã Bình Hòa	2021-2022	11728, ngày 06/12/2021	271		271	271	271	271		UBND xã Bình Hòa	
2	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2021-2022	3245, ngày 14/09/2020	316		316	316	316	316		UBND xã Tân Bình	
3	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2022	7550, ngày 01/07/2021	323		323	323	323	323		UBND xã Thiện Tân	

Số TT	Đanh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lũy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m
4	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Trị An	Xã Trị An	2021-2022	7531, ngày 01/07/2021	255		255	255	255		UBND xã Trị An	
5	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	3572, ngày 09/10/2020	383		383	383	383		UBND xã Vĩnh Tân	
6	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân An	Xã Tân An	2021-2022	3571, ngày 09/10/2021	316		316	316	316		UBND xã Tân An	
7	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý	xã Phú Lý	2021-2022	11866/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	447		447	447	447		UBND xã Phú Lý	
8	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2021-2022	11727, ngày 06/12/2021	419		419	419	419		UBND xã Mã Đà	
b	Chi lĩnh vực Nông nghiệp, thủy lợi				1.337	-	1.273	1.273	1.273			
	Kiểm định an toàn quy trình vận hành, quy chế phối hợp phương án PCLB hồ Mo Nang	Xã Thiến Tân	2021-2022	11832, ngày 13/12/2021	1.337		1.273	1.273	1.273		Phòng NN&PTNT	
III.	Chi lĩnh vực Đảm bảo xã hội				1.956	-	1.811	1.811	1.811			
	Xây dựng 100 vỏ mộ liệt sỹ trong nghĩa trang liệt sỹ huyện	Xã Thiến Tân	2021-2023	11855, ngày 13/12/2021	1.956		1.811	1.811	1.811		Ban QLDA	
IV	Phân bổ lần 1						34.325	28.888	28.888	-		
IV. 1	Chi lĩnh vực kinh tế						18.715	13.476	13.476	-		
a	Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch				3.890	-	3.890	1.890	1.890	-		
	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2023	361 ngày 07/02/2022	3.890		3.890	1.890	1.890		Phòng KT- HT	
b	Chi lĩnh vực Nông nghiệp, thủy lợi						8.586	8.586	8.586			
1	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Hòa I	Xã Bình Hòa	2021-2023	11853 ngày 13/12/2021	1.582		1.507	1.507	1.507		Ban QLDA	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lũy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	1	2	3			
2	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Phước	Xã Tân Bình	2021-2023	11852 ngày 13/12/2021	3.293		3.136	3.136	3.136		Ban QLDA	
3	Lắp đặt Pa lăng trạm bơm Lợi Hòa, Tân An, Thiện Tân 1	địa bàn huyện	2021-2023	11833 ngày 13/12/2021	708		674	674	674		TT DVNN	
4	Thay mới 10 máy bơm công suất 1000m3/giờ và 20 bộ tủ khởi động từ, biến tần các nhà trạm bơm	địa bàn huyện	2021-2023	13173 ngày 30/12/2021	3.302		3.269	3.269	3.269		TT DVNN	
c	Chi lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch						3.959	3.000	3.000	-		
	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch khu vực ấp 1,2, xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	1149 ngày 17/03/2022	3.979		3.959	3.000	3.000		Phòng KT-HT	
IV. 2	Chi lĩnh vực hoạt động QLNN, Đàng, đoàn thể						7.327	7.129	7.129			
1	Sửa chữa Hội trường UBND xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2023	13167/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	3.148		2.998	2.800	2.800		Ban QLDA	
2	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	13169/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	2.219		2.067	2.067	2.067		Ban QLDA	
3	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2021-2023	13170/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	2.361		2.262	2.262	2.262		Ban QLDA	
IV. 3	Chi lĩnh vực Văn hóa thông tin						2.803	2.803	2.803			
1	Sửa chữa công chèo huyện tại các xã Vĩnh Tân và Bình Hòa	địa bàn huyện	2021-2023	1131/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	3.017		2.803	2.803	2.803		Phòng VH-TT	
IV. 4	Chi lĩnh vực thể dục thể thao						3.480	3.480	3.480			
1	Lắp đặt trang thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trên địa bàn huyện	địa bàn huyện	2021-2022	1130/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	3.561		3.480	3.480	3.480		Phòng VH-TT	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh Lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m
IV. 5	Chi khoa học và công nghệ						2.000	2.000	2.000			
	Đầu tư trang thiết bị khối Đảng+ Khối nhà nước và đoàn thể (Thuộc danh mục mua sắm tập trung và Không thuộc danh mục mua sắm tập trung)	địa bàn huyện	2022	1148 ngày 17/03/2022			2.000	2.000	2.000		Phòng TC-KH	
V	Phân bổ lần 2						103.514	7.467	7.467			
I	Dự án khởi công mới						33.411	6.967	6.967			
1	Chi lĩnh vực kinh tế						32.470	6.967	6.967			
1.1	Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch						496	496	496			
	Lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu ĐOC tại xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2021-2023	1846, 27/04/2022	496		496	496	496		Phòng KT-HT	
1.2	Chi lĩnh vực Giao thông (thực hiện theo hình thức XHH)						2.778	2.171	2.171			
	Đường Kênh N1 (đoạn còn lại) xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	2692, 28/06/2022	4.914		2.183	1.701	1.701		UBND xã Tân An	
	Đường tổ 3, ấp 3 xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	2016, 17/05/2022	756		595	470	470		UBND xã Phú Lý	
1.3	Chi lĩnh vực giao thông						29.196	4.300	4.300			
	Đường Khu tái định cư ấp Bình Chánh	Xã Tân An	2022-2024	2595, 22/06/2022	5.722		5.470	3.000	3.000		Ban QLDA	
	Xây dựng cầu tổ 6A khu phố 6 nổi khu phố 5	TT Vĩnh An	2022-2024	2405, 09/06/2022	5.352		5.189	300	300		Ban QLDA	
	Cầu và đường dẫn Bình Lục - Tân Triều (kể cả công tác bồi thường GPMB)	Xã Tân Bình	2022-2021	626, 26/02/2021	21.215		18.537	1.000	1.000		Ban QLDA	
2	Chi lĩnh vực Văn hóa thông tin (XHH)						941	-	-			

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh Lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m
1	Xây mới nhà văn hóa ấp 1, xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	2467, 13/06/2022	1.076		941	-	-		UBND xã Trị An	
	Dự án chuẩn bị đầu tư						70.103	500	500			
1	Chi lĩnh vực kinh tế (Lĩnh vực giao thông)						70.103	500	500			
	Nâng cấp đường Chu Văn An, TT Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	2691, 28/06/2022	74.924		70.103	500	500		Ban QLDA	
VI	Phân bổ lần 3						-	13.279	13.279	-		
1	Chi lĩnh vực kinh tế (chi phí bồi thường)						-	12.367	12.367			
	Nâng cấp Hương lộ 9 Thành Đức - Tân Bình (chi phí bồi thường GPMB và các chi phí tư vấn khác)	Xã Tân Bình	2020-2022	3441/QĐ-UBND ngày 31/10/2019				12.367	12.367		Ban QLDA	
c	Chi lĩnh vực QLNN						2.280	912	912			
	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn Huyện ủy	TT Vĩnh An	2022-2025	8405, 20/09/2022	2.488		2.280	912	912		VP Huyện ủy	
B	NGUỒN VỐN XỐ SỐ KIẾN THIẾT							168.467	167.467	1.000		
B.1	Nguồn vốn xố số kiến thiết (NSH)						57.169	73.617	73.617			
I	Dự án chuyển tiếp				214.347	69.150	23.349	48.540	48.540			
a	Chi lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			-	206.236	69.150	23.349	48.540	48.540			
1	Xây dựng mô hình thư viện thân thiện tại các trường Tiểu học, THCS	H. Vĩnh Cửu	2021-2022	10352 ngày 15/10/2021	2.760	550	1.944	1.944	1.944		Phòng GD&ĐT	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lũy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Chi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	1	2	3			
2	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối Tiểu học	H. Vĩnh Cửu	2021-2022	10354 ngày 15/10/2021	2.808	600	2.089	2.089	2.089		Phòng GD&ĐT	
3	Trường Tiểu học Tân Phú (vốn huyện 12.434 triệu đồng)	Thanh Phú	2021-2022	625, ngày 26/02/2021	57.569	6.700		10.041	10.041		Ban QLDA	
4	Xây mới trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mã Đà (vốn huyện 22.033 triệu đồng)	Mã Đà	2021-2022	11417, ngày 22/11/2021	61.833	8.500		16.500	16.500		Ban QLDA	
5	Trường Mầm non Thiện Tân	Thiện Tân	2019-2021	4691, ngày 30/10/2019	31.287	20.000	8.529	7.179	7.179		Ban QLDA	
6	Trường Mầm non Sơn Ca (Mầm non Cây Gáo)	TT Vĩnh An	2019-2021	4683, ngày 30/10/2019	49.979	32.800	10.787	10.787	10.787		Ban QLDA	
II	Dự án khởi công mới				8.111	-	7.796	7.586	7.586			
a	Chỉ lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				2.738	-	2.658	2.658	2.658			
1	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo Stem trong trường học khối THCS	H. Vĩnh Cửu	2021-2023	11835, ngày 13/12/2021	2.738		2.658	2.658	2.658		Phòng GD&ĐT	
b	Chỉ lĩnh vực Văn hóa-TT				5.373	-	5.138	4.928	4.928			
1	Xây dựng nhà văn hóa ấp Bình Lục	Xã Tân Bình	2021-2023	11854, ngày 13/12/2021	1.452		1.428	1.428	1.428		Ban QLDA	
2	Nâng cấp sửa chữa một số hạng mục Nhà văn hóa Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2023	11837, ngày 13/12/2021	3.921		3.710	3.500	3.500		Ban QLDA	
III	Phân bổ lần 1- Lĩnh vực giáo dục-Đào tạo						26.024	12.491	12.491			
1	Xây dựng trường mầm non Bình Hòa (giai đoạn 2)	Xã Bình Hòa		13171 ngày 30/12/2021	11.964		11.112	5.000	5.000		Ban QLDA	
2	Mở rộng trường mầm non Hòa Mi	Xã Thanh Phú		13172 ngày 30/12/2021	13.555		13.421	6.000	6.000		Ban QLDA	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lũy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		
3	Xây dựng nhà vệ sinh thân thiện sáng sạch đẹp tại các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn	địa bàn huyện		13175/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.566		1.491	1.491	1.491		Ban QLDA	
IV	Phân bổ lần 2- Lĩnh vực giáo dục- Đào tạo								5.000			
	Dự án khởi công mới						6.813	5.000	5.000			
1	Cải tạo sửa chữa Trường mầm non Tân An	Xã Tân An	2022-2024	2690.28/06/2022	3.275		2.972	2.000	2.000			
2	Cải tạo sửa chữa Trường THCS Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2025	2228, ngày 01/6/2022	4.033		3.841	3.000	3.000			
VI	Phân bổ lần 3						3.612	4.850	4.850			
1	Chi lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch						959	959	959			
	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch khu vực ấp 1,2, xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	1149 ngày 17/03/2022	3.979		959	959	959		Phòng KT-HT	
2	Chi lĩnh vực VH-TT						2.653	1.141	1.141			
	Làm mới, lắp đặt hệ thống đèn Led phục vụ tết nguyên đán và các ngày Lễ lớn trong năm	địa bàn huyện	2022-2025	8565, 27/09/2022	2.786		2.653	1.141	1.141		Phòng VH-TT	
3	Hỗ trợ thực hiện XD khu dân cư kiểu mẫu						-	1.350	1.350			
	Xã Bình Lợi (03 khu)	Xã Bình Lợi	2022					450	450		Cấp chuyển giao	
	Xã Phú Lý (02 khu)	Xã Phú Lý	2022					300	300		Cấp chuyển giao	
	Xã Hiếu Liêm (01 khu)	Xã Hiếu Liêm	2022					150	150		Cấp chuyển giao	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m
	Xã Vĩnh Tân (01 khu)	Xã Vĩnh Tân	2022						150	150	Cấp chuyển giao	
	Xã Trị An (01 khu)	Xã Trị An	2022						150	150	Cấp chuyển giao	
	Xã Tân Bình (01 khu)	Xã Tân Bình	2022						150	150	Cấp chuyển giao	
4	Khen thưởng khu dân cư đạt chuẩn KDC kiểu mẫu						-		1.000	1.000		
	Xã Bình Lợi (02 khu)	Xã Bình Lợi	2022						400	400	Cấp chuyển giao	
	Xã Tân Bình (03 khu)	Xã Tân Bình	2022						600	600	Cấp chuyển giao	
5	Khen thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao						-		400	400		
	Xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022						200	200	Cấp chuyển giao	
	Xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2.022						200	200	Cấp chuyển giao	
B.2	Hỗ trợ có mục tiêu nguồn vốn xổ số kiến thiết								63.000	63.000		
1	Trường Tiểu học Tân Phú (vốn huyện 12.434 triệu đồng)	Thanh Phú	2021-2022	625, ngày 26/02/2021	57.569		28.000		28.000	28.000	Ban QLDA	
2	Xây mới trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mã Đà (vốn huyện 22.033 triệu đồng)	Mã Đà	2021-2022	2421, ngày 19/05/2021	61.833		35.000		35.000	35.000	Ban QLDA	
B3	Hỗ trợ có mục tiêu nguồn vốn xổ số kiến thiết (QĐ 616-STC ngày 14/12/2021 của Sở Tài chính)								10.000	10.000		
1	Trường Tiểu học Tân Phú (vốn huyện 12.434 triệu đồng)	Thanh Phú	2021-2022	625, ngày 26/02/2021	57.569				5.200	5.200	Ban QLDA	

Số TT	Đanh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m
2	Xây mới trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mã Đà (vốn huyện 22.033 triệu đồng)	Mã Đà	2021-2022	2421, ngày 19/05/2021	61.833			4.800	4.800		Ban QLDA	
B.4	Hỗ trợ có mục tiêu nguồn vốn xã số kiến thiết (QĐ 284-STC ngày 18/07/2022 của Sở Tài chính)							16.000	16.000			
I	Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Thiện Tân							1.000	1.000		Cấp chuyển giao về xã	
II	Bổ sung hỗ trợ đầu tư theo hình thức XHH							15.000	15.000			
1	Đường Cây Cầy di Long Thành (giai đoạn 3), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	10340, 15/10/2021	251			80	80		UBND xã Phú Lý	
2	Đường tổ 5 ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	10341, 15/10/2021	920			310	310		UBND xã Phú Lý	
3	Đường tổ 9, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	10342, 15/10/2021	909			303	303		UBND xã Phú Lý	
4	Đường tổ 10, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	10343, 15/10/2021	717			241	241		UBND xã Phú Lý	
5	Đường Bàu Điền, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	11825, 13/12/2021	12.580			4.000	4.000		UBND xã Phú Lý	
6	Đường Tổ 3, ấp 1, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	11826, 13/12/2021	813			282	282		UBND xã Phú Lý	
7	Đường Tổ 7, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	11827, 13/12/2021	1.269			436	436		UBND xã Phú Lý	
8	Đường tổ 56, ấp Bàu Phụng xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	11836, 13/12/2021	1.032			347	347		UBND xã Phú Lý	
9	Đường tổ 2, ấp 5, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	10345, 15/10/2021	1.774			558	558		UBND xã Vĩnh Tân	
10	Đường tổ 11, ấp 4, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	10346, 15/10/2021	1.968			611	611		UBND xã Vĩnh Tân	
11	Đường tổ 11, ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	10347, 15/10/2021	1.834			570	570		UBND xã Vĩnh Tân	
12	Đường tổ 9, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2022	10348, 15/10/2021	458			152	152		UBND xã Hiếu Liêm	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	1	2	3			
13	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 1, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2022	10349, 15/10/2021	520			172	172		UBND xã Hiếu Liêm	
14	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2022	10350, 15/10/2021	675			223	223		UBND xã Hiếu Liêm	
15	Đường Tổ 15, ấp 1 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2021-2022	11828, 15/10/2021	798			273	273		UBND xã Mã Đà	
16	Đường Hẻm tổ 6-8 và Hẻm chợ cũ ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2021-2022	11829, 13/12/2021	917			312	312		UBND xã Mã Đà	
17	Nâng cấp, sửa chữa Đường Bà Bền xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	11833, 13/12/2021	3.106			1.056	1.056		UBND xã Trị An	
18	Nâng cấp Sùu chữa đường xóm Huế (đoạn 1) xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	11834, 13/12/2021	2.638			923	923		UBND xã Trị An	
19	Đường Xóm Dừa, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2022	11830, 13/12/2021	1.020			338	338		UBND xã Thạnh Phú	
20	Hẻm Tổ 12, 14, ấp 2 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11838, 13/12/2021	455			149	149		UBND xã Thạnh Phú	
21	Hẻm 668, 520, đường ĐT 768, ấp 4 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11839, 13/12/2021	253			77	77		UBND xã Thạnh Phú	
22	Hẻm 33, đường Cây Dầu, ấp 4, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11840, 13/12/2021	807			270	270		UBND xã Thạnh Phú	
23	Hẻm Tổ 4, ấp 3, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11841, 13/12/2021	181			54	54		UBND xã Thạnh Phú	
24	Hẻm tổ 7, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11842, 13/12/2021	540			177	177		UBND xã Thạnh Phú	
25	Nâng cấp đường vào xóm Miếu Bà – Vũng Vọng, ấp 1, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11843, 13/12/2021	1.034			350	350		UBND xã Thạnh Phú	
26	Đường nhánh 1-2-3, tổ 3-10-13, KP 3, TT Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	11844, 13/12/2021	978			297	297		UBND TT Vĩnh An	
27	Đường số 10, tổ 12-13 khu phố 1, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2022	11845, 13/12/2021	904			283	283		UBND TT Vĩnh An	
28	Đường hẻm Đình Thần, tổ 9, khu phố 4, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	11846, 13/12/2021	1.156			380	380		UBND TT Vĩnh An	
29	Đường liên hẻm khu phố 2, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2022	11847, 13/12/2021	1.999			657	657		UBND TT Vĩnh An	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kê vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m
30	Đường Hẻm 3 vào lò Gạch xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2022	11848, 13/12/2021	1.101			371	371		UBND xã Thiện Tân	
31	Đường Hẻm 87 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2022	11849, 13/12/2021	798			266	266		UBND xã Thiện Tân	
32	Đường Hẻm 67 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2022	11850, 13/12/2021	1.139			382	382		UBND xã Thiện Tân	
33	Đường Hẻm 1551 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2022	11851, 13/12/2021	310			100	100		UBND xã Thiện Tân	
B.4	Khen thưởng xã NTM							1.000	-	1.000		
	Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Tân An	Xã Tân An						1.000		1.000	Cấp chuyển giao về xã	
34	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							81.000	81.000			
35	Dự án chuyển tiếp							81.000	81.000			
36	Chi lĩnh vực kinh tế (chi phí bồi thường)				383.257	88.657	102.632	81.000	81.000			
37	Nâng cấp Hương lộ 7 Tân Bình - Bình Lợi (chi phí bồi thường GPMB và các chi phí tư vấn khác)	Xã Tân Bình - Bình Lợi	2020-2022	3442/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	143.268	44.470	39.117	35.117	35.117		Ban QLDA	
38	Nâng cấp Hương lộ 9 Thành Đức - Tân Bình (chi phí bồi thường GPMB và các chi phí tư vấn khác)	Xã Tân Bình	2020-2022	3441/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	169.989	43.947	62.515	44.883	44.883		Ban QLDA	
39	Nâng cấp Hương lộ 15 (chi phí bồi thường GPMB và các chi phí tư vấn khác)	Xã Tân Bình - Bình Lợi	2020-2022		70.000	240	1.000	1.000	1.000		Ban QLDA	
D	NGUỒN VỐN HỖ TRỢ XD NTM (TNN)											
I	Dự án khởi công mới				45.855	-	30.707	30.050	30.050			
	Chi lĩnh vực XHH giao thông nông thôn				45.855	-	21.150	20.410	20.410			
1	Đường Cây Cầy di Long Thành (giai đoạn 3), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	10340 ngày 15/10/2021	251	0	118	118	118		UBND xã Phú Lý	
2	Đường tổ 5 ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	10341 ngày 15/10/2021	921		412	412	412		UBND xã Phú Lý	
3	Đường tổ 9, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	10342 ngày 15/10/2021	909		406	406	406		UBND xã Phú Lý	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m
4	Đường tổ 10, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	10343 ngày 15/10/2021	717			322	322		UBND xã Phú Lý	
5	Đường tổ 2, ấp 5, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	10345 ngày 15/10/2021	1.774			851	851		UBND xã Vĩnh Tân	
6	Đường tổ 11, ấp 4, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	10346 ngày 15/10/2021	1.968			957	957		UBND xã Vĩnh Tân	
7	Đường tổ 11, ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	10347 ngày 15/10/2021	1.834			891	891		UBND xã Vĩnh Tân	
8	Đường tổ 9, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2022	10348 ngày 15/10/2021	458			208	208		UBND xã Hiếu Liêm	
9	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 1, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2022	10349 ngày 15/10/2021	520			236	236		UBND xã Hiếu Liêm	
10	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2022	10350 ngày 15/10/2021	675			309	309		UBND xã Hiếu Liêm	
11	Đường Bàu Điền, ấp 4, xã Phú Lý (giai đoạn 2)	Xã Phú Lý	2021-2022	11825 ngày 13/12/2021	12.580			5.740	5.000		UBND xã Phú Lý	
12	Đường Tổ 3, ấp 1, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	11826 ngày 13/12/2021	813			388	388		UBND xã Phú Lý	
13	Đường Tổ 7, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	11827 ngày 13/12/2021	1.269			590	590		UBND xã Phú Lý	
14	Đường tổ 56, ấp Bàu Phụng xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	11836 ngày 13/12/2021	1.032			512	512		UBND xã Phú Lý	
15	Đường Tổ 15, ấp 1 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2021-2022	11828 ngày 13/12/2021	798			351	351		UBND xã Mã Đà	
16	Hẻm tổ 6-8 và Hẻm chợ cũ ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2021-2022	11829 ngày 13/12/2021	917			405	405		UBND xã Mã Đà	
17	Nâng cấp, sửa chữa Đường Bà Bền xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	11833 ngày 13/12/2021	3.106			1.376	1.376		UBND xã Trị An	
18	Nâng cấp, sửa chữa đường xóm Huế (đoạn 1) xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	11834 ngày 13/12/2021	2.638			1.241	1.241		UBND xã Trị An	
19	Nâng cấp đường Xóm Dừa	Xã Thanh Phú	2021-2022	11830 ngày 13/12/2021	1.020			464	464		UBND xã Thanh Phú	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		
20	Hẻm Tổ 12, 14, ấp 2 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11838 ngày 13/12/2021	455		210	210	210		UBND xã Thạnh Phú	
21	Hẻm 668, 520, đường ĐT 768, ấp 4 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11839 ngày 13/12/2021	253		124	124	124		UBND xã Thạnh Phú	
22	Hẻm 33, đường Cây Dầu, ấp 4, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11840 ngày 13/12/2021	807		363	363	363		UBND xã Thạnh Phú	
23	Hẻm Tổ 4, ấp 3, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11841 ngày 13/12/2021	181		91	91	91		UBND xã Thạnh Phú	
24	Hẻm tổ 7, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11842 ngày 13/12/2021	540		248	248	248		UBND xã Thạnh Phú	
25	Nâng cấp đường vào xóm Miếu Bà – Vũng Vọng, ấp 1, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	11843 ngày 13/12/2021	1.034		459	459	459		UBND xã Thạnh Phú	
26	Đường nhánh 1-2-3, tổ 3-10-13, KP 3, TT Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	11844 ngày 13/12/2021	978		485	485	485		UBND TT Vĩnh An	
27	Đường số 10, tổ 12-13 khu phố 1, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2022	11845 ngày 13/12/2021	904		436	436	436		UBND TT Vĩnh An	
28	Đường hẻm Đình Thần, tổ 9, khu phố 4, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	11846 ngày 13/12/2021	1.156		531	531	531		UBND TT Vĩnh An	
29	Đường liên hẻm khu phố 2, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2022	11847 ngày 13/12/2021	1.999		917	917	917		UBND TT Vĩnh An	
30	Đường Hẻm 03 vào lò Gạch xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2022	11848 ngày 13/12/2021	1.101		492	492	492		UBND xã Thiện Tân	
31	Đường Hẻm 87 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2022	11849 ngày 13/12/2021	798		361	361	361		UBND xã Thiện Tân	
32	Đường Hẻm 67 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2022	11850 ngày 13/12/2021	1.139		511	511	511		UBND xã Thiện Tân	
33	Đường Hẻm 1551 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2022	11851 ngày 13/12/2021	310		145	145	145		UBND xã Thiện Tân	
II	Phân bổ lần 1 - Lĩnh vực XHH giao thông nông thôn						9.557	9.493	9.493			
1	Hẻm tổ 5, ấp 5, xã Thạnh Phú	xã Thạnh Phú	2021-2023	1132/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	313		147	147	147		UBND xã Thạnh Phú	
2	Hẻm 81, 82, 83, ấp Tân Triều.	xã Tân Bình	2021-2023	1133/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	788		358	358	358		UBND xã Tân Bình	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 15/03/2022	Nhu cầu vốn 2022	Tổng kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh lần 4	Kế hoạch năm 2022		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch				Kế hoạch vốn sau khi phân bổ lần 3 năm 2022	Bổ sung lần 4		
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		
3	Hẻm 157, 162 ấp Vĩnh Hiệp	xã Tân Bình	2021-2023	1134/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1.048		468	468	468		UBND xã Tân Bình	
4	Đường hẻm 230, 176, ấp Vĩnh Hiệp	xã Tân Bình	2021-2023	1135/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	707		325	325	325		UBND xã Tân Bình	
5	Nâng cấp đường hẻm số 3, ấp Vĩnh Hiệp (nâng cấp)	xã Tân Bình	2021-2023	1136/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	654		295	295	295		UBND xã Tân Bình	
6	Đường Hồ Bông, tổ 8 ấp Cây Xoài xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	1137/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	2.874		1.309	1.309	1.309		UBND xã Tân An	
7	Đường nhánh tổ 7 ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	1139 ngày 17/03/2022	952		436	436	436		UBND xã Vĩnh Tân	
8	Đường tổ 5, ấp 4 xã Vĩnh Tân (Đường tổ 4 ấp 2 nhánh 1 (giai đoạn 2 xã Vĩnh Tân))	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	1140 ngày 17/03/2022	4.038		1.794	1.730	1.730		UBND xã Vĩnh Tân	
9	Đường nhánh tổ 19 ấp 6 nhánh 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	1141 ngày 17/03/2022	789		364	364	364		UBND xã Vĩnh Tân	
10	Đường tổ 10 ấp 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	1142 ngày 17/03/2022	1.334		598	598	598		UBND xã Vĩnh Tân	
11	Đường nhánh tổ 16 ấp 3 (nhánh 2), xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	1143 ngày 17/03/2022	861		385	385	385		UBND xã Hiếu Liêm	
12	Đường nhánh tổ 14 ấp 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	1144 ngày 17/03/2022	795		357	357	357		UBND xã Hiếu Liêm	
13	Đường nhánh tổ 11 ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	1145 ngày 17/03/2022	242		115	115	115		UBND xã Hiếu Liêm	
14	Nâng cấp, sửa chữa đường Bến Be nối dài đường Mía đường	Xã Trị An	2021-2023	1146 ngày 17/03/2022	3.713		1.760	1.760	1.760		UBND xã Trị An	
15	Đường Lò Than, xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	1147 ngày 17/03/2022	1.952		846	846	846		UBND xã Trị An	
III	Chi lĩnh vực Giao thông (thực hiện theo hình thức XHH)							147	147			
	Đường Kênh N1 (đoạn còn lại) xã Tân An	Xã Tân An	2021-2022	2692, 28/06/2022	4.914		2.183	147	147		UBND xã Tân An	
E	NGUỒN THUỜNG VƯỢT THU							70.000	-	70.000		
	Dự án khởi công mới							70.000	-	70.000		
I	Lĩnh vực kinh tế - lĩnh vực giao thông							32.000	-	32.000		

